

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Di Linh, ngày 16 tháng 7 năm 2024.

Số: 42/2024/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 157/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (B)

Trụ sở: Số A, đường T, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị B

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Văn Quốc D. Chức vụ: Giám đốc (Quyết định uỷ quyền số 963/QĐ-BIDV ngày 25-10-2021)

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đỗ Văn Quốc D: Ông Đàm Văn L. Chức

vụ: Giám đốc **Phòng G**. Quyết định uỷ quyền lại tham gia tố tụng số 210/QĐ-BIDV ngày 31-5-2024.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1978 và bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1982. Địa chỉ: **Thôn G, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vợ chồng ông **Nguyễn Đức H**, bà **Nguyễn Thị M** cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** số tiền vay tính đến ngày 07-7-2024 gốc là 4.999.658.501 đồng, tiền lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn là 282.073.746 đồng. Tổng cộng 5.281.732.247 (*Năm tỷ hai trăm tám mươi một triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hoà giải thành (*ngày 08-7-2024*) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1198/2023/10227065/HĐTD ngày 18-8-2023; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 1196/2023/10227065/HĐTD ngày 18-8-2023 và Hợp đồng tín dụng số 1197/2023/10227065/HĐTD ngày 18-8-2023, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp ông **Nguyễn Đức H**, bà **Nguyễn Thị M** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hồ sơ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1196/2023/10227065/HĐBĐ ngày 17-8-2023 và Hợp đồng thế chấp số Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1197/2023/10227065/HĐBĐ ngày 17-8-2023 để thu hồi nợ. Ông **Nguyễn Đức H**, **Nguyễn Thị M** có nghĩa vụ giao tài sản theo Hợp đồng thế chấp để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông **Nguyễn Đức H**, **Nguyễn Thị M** hoàn tất xong khoản nợ thì **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** phải trả lại bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1197/2023/10227065/HĐBĐ ngày 17-8-2023 quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí:

Vợ chồng ông **Nguyễn Đức H**, bà **Nguyễn Thị M** chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.640.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Hoàn trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** số tiền 56.614.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004019 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Di Linh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Di Linh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THA huyện Di Linh;
- Lưu án văn; hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Mỹ Lệ